

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/6/2024		●	
Tuần 3/6-7/6/2024		●	
Tháng 06/2024		●	

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục đi ngang trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,283.56 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Du lịch và giải trí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bảo hiểm, Hóa chất,... Ở chiều ngược lại, ngành Ngân hàng có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên giao dịch tới, VN-Index cần một cây nến chỉ hướng để phá vỡ xu hướng giằng co tại vùng đỉnh trung hạn hiện tại.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2412.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 06/06/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-0.79** điểm, đóng cửa tại **1283.56** điểm. HNX-Index **-0.31** điểm, đóng cửa tại **244.18** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **STB (+0.53)**, **TCB (+0.44)**, **BID (+0.35)**, **VCB (+0.28)**, **SHB (+0.28)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.66)**, **HAV (-0.62)**, **VIC (-0.46)**, **GVR (-0.34)**, **VHM (-0.27)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,730** tỷ đồng, giảm **-7.76%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,198 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 13.62 điểm. Thị trường có **200** mã tăng, 80 mã tham chiếu, **224** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-742.58** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-224.08 tỷ)**, **TCB (-115.53 tỷ)**, **MWG (-91.77 tỷ)**, **VNM (-72.47 tỷ)**, **VPB (-67.66 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-0.96** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.11%**. Các mã diễn biến tích cực: **STB (+3.72%)**, **HSG (+1.51%)**, **TCB (+1.05%)**.
- BSC50 **-0.13%**. Các mã diễn biến tích cực: **IJC (+2.52%)**, **HHV (+1.87%)**, **BSR (+1.72%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.11%	-0.13%	-0.06%	0.20%
1 tuần	1.56%	1.51%	1.42%	1.59%
1 tháng	-1.82%	-0.96%	-1.15%	-1.95%
3 tháng	3.29%	1.27%	1.33%	3.53%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,283.56	244.18	98.32
% 1D	-0.06%	-0.13%	0.88%
GTGD (tỷ VND)	19,730	1,333	1,524
%1D	-7.76%	-26.46%	-0.10%
GDNN (tỷ VND)	-742.58	-0.96	-60.02

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSN	64.80	FPT	-224.08
FUEVFVND	44.55	TCB	-115.53
PNJ	42.60	MWG	-91.77
LPB	25.44	VNM	-72.47
NKG	24.95	VPB	-67.66

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,354	1.18%	1.65%
FTSE100	8,272	0.30%	0.50%
Eurostoxx	5,075	0.91%	1.94%
Shanghai	3,049	-0.54%	-1.39%
Nikkei	38,746	0.74%	1.93%

Nguồn: Bloomberg

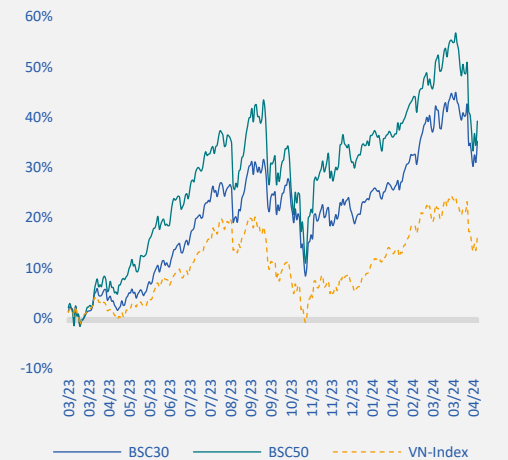
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	78.74	0.42%
Giá vàng	2,382	1.20%

Tỷ giá	
USD/VND	25,453
EUR/VND	28,426
JPY/VND	168

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	0.00%
LS LNH 1M	4.5%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1296.5	0.00%	108	170.00%	9/19/2024	105
VN30F2412	1295	0.00%	45	50.0%	12/19/2024	196
VN30F2407	1298.4	0.15%	704	-54.52%	7/18/2024	42
VN30F2406	1298.7	0.29%	244921	21.12%	6/20/2024	14

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +2.62 điểm, đóng cửa tại 1302.28 điểm. Biên độ dao động 12.06 điểm. Các cổ phiếu như STB, TCB, SHB, MBB, TPB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên với biên độ giao động trong ngày lớn. Thanh khoản thị trường vượt ngưỡng MA20. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2412, Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2407, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2406.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2318	7/15/2024	39	1,400	-62.54%	9.90	5,300	3.9%	16.22	52.30	139.60	139.60
CTCB2310	10/9/2024	125	964,400	-61.09%	3.39	1,970	3.7%	5.76	18.68	48.00	48.00
CTCB2309	9/25/2024	111	342,400	-62.74%	3.39	4,980	2.7%	15.35	17.88	48.00	48.00
CTCB2307	8/5/2024	60	33,600	-60.80%	3.30	4,000	2.6%	11.53	18.81	48.00	48.00
CFPT2317	11/21/2024	168	538,600	-62.14%	10.10	2,850	2.2%	8.65	52.85	139.60	139.60
CTCB2312	7/15/2024	39	3,300	-59.59%	3.16	5,580	2.0%	15.42	19.40	48.00	48.00
CVIB2306	8/23/2024	78	64,300	-61.82%	1.61	3,680	1.4%	11.02	8.55	22.40	22.40
CMBB2318	9/23/2024	109	50,800	-66.20%	1.76	1,480	1.4%	5.27	7.55	22.35	22.35
CMWG2316	8/23/2024	78	80,100	-66.27%	4.80	2,680	0.8%	9.52	20.88	61.90	61.90
CTCB2401	6/19/2024	13	3,000	-63.23%	3.30	7,400	0.0%	23.05	17.65	48.00	48.00
CHPG2342	11/21/2024	168	493,400	-62.77%	2.18	960	0.0%	2.99	10.91	29.30	29.30
CFPT2313	8/9/2024	64	850,700	-62.75%	10.00	4,200	-0.2%	12.97	52.00	139.60	139.60
CMWG2318	7/22/2024	46	754,200	-60.65%	4.20	3,360	-0.6%	9.62	24.36	61.90	61.90
CMWG2314	1/9/2025	217	363,600	-65.75%	5.20	1,600	-0.6%	5.68	21.20	61.90	61.90
CACB2306	7/22/2024	46	160,900	-67.98%	1.85	2,360	-0.8%	8.93	7.80	24.35	24.35
CPDR2305	6/26/2024	20	18,100	-63.72%	1.83	2,080	-1.0%	6.62	9.34	25.75	25.75
CACB2304	9/25/2024	111	29,800	-68.26%	1.93	2,300	-1.3%	8.91	7.73	24.35	24.35
CFPT2316	7/22/2024	46	259,400	-52.58%	8.20	5,800	-1.9%	13.14	66.20	139.60	139.60
CFPT2310	8/5/2024	60	18,100	-53.90%	8.45	7,070	-2.1%	16.59	64.36	139.60	139.60
CFPT2314	1/9/2025	217	1,219,400	-58.95%	10.00	4,730	-2.3%	12.99	57.30	139.60	139.60

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 06/06/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2338 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 83.33%. CFPT2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.76%.
- CFPT2316, CFPT2310, CFPT2314, CTCB2312, và CMWG2318 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2401, CFPT2310, CFPT2318, CTCB2312, và CTCB2309 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
STB	30.70	3.72%	2.12
TCB	48.00	1.05%	1.14
SHB	11.85	2.60%	0.93
MBB	22.35	0.68%	0.43
TPB	18.25	1.39%	0.28

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VNM	30.70	-1.90%	-1.05
VIC	48.00	-1.13%	-0.56
FPT	11.85	-0.36%	-0.53
VHM	22.35	-0.64%	-0.32
MWG	18.25	-0.16%	-0.11

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STB	30.70	3.72%	0.53	1.89
TCB	48.00	1.05%	0.44	3.52
BID	47.90	0.52%	0.35	5.70
VCB	89.00	0.23%	0.28	5.59
SHB	11.85	2.60%	0.28	3.66

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCS	79.00	8.22%	0.75	0.16
PTI	34.40	5.20%	0.10	0.08
NET	103.50	4.55%	0.08	0.02
SHS	18.60	0.54%	0.06	0.81
PVI	58.90	0.51%	0.05	0.23

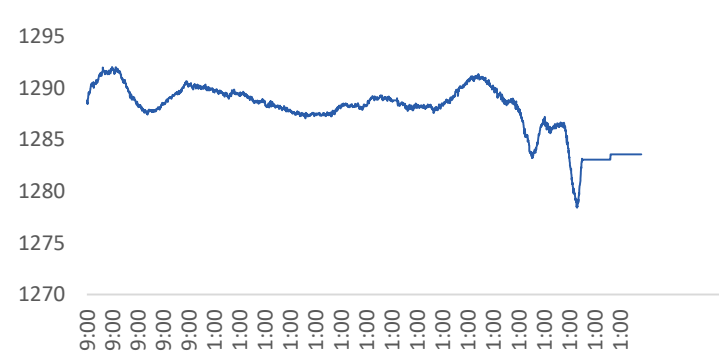
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TNC	45.35	6.95%	0.02	0.01
VIP	15.15	6.93%	0.02	1.60
TVS	23.20	6.90%	0.07	1.96
HNG	4.51	6.87%	0.09	3.33
APH	10.20	6.86%	0.04	8.87

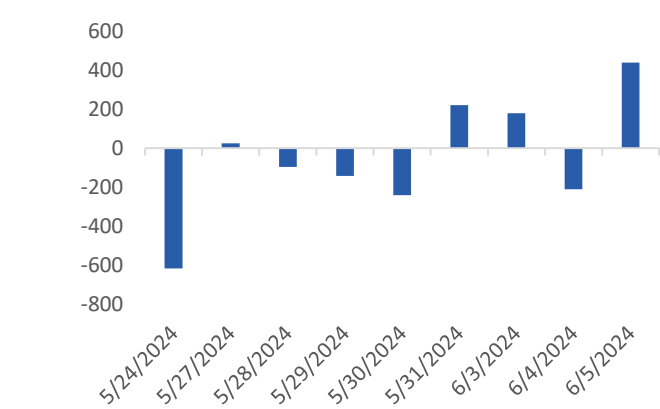
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTP	6.00	10.00%	0.03	0.20
KMT	8.00	10.00%	0.03	0.00
CAN	39.40	9.90%	0.08	0.00
SSM	6.10	9.84%	0.01	0.00
EBS	11.30	9.73%	0.05	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VNM	67.20	-1.90%	-0.66	2.09
HVN	27.90	-4.12%	-0.62	2.21
VIC	43.70	-1.13%	-0.46	3.82
GVR	34.80	-1.00%	-0.34	4.00
VHM	39.05	-0.64%	-0.27	4.35

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	18.60	-1.06%	-0.13	0.89
IDC	61.90	-0.80%	-0.12	0.33
MBS	33.50	-0.89%	-0.09	0.44
CEO	18.70	-1.06%	-0.07	0.51
NTP	60.00	-1.15%	-0.06	0.13

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SC5	21.00	-6.90%	0.00	0.00
LEC	6.05	-5.79%	0.00	0.00
VAF	13.40	-4.85%	-0.01	0.00
HVN	29.10	-4.12%	-0.62	8.06
SRF	10.00	-3.70%	0.00	0.02

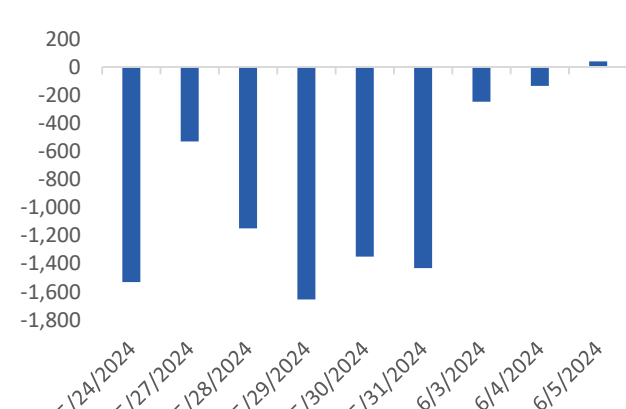
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HMR	44.90	-9.80%	-0.08	0.17
GLT	25.80	-9.69%	-0.08	0.00
BXH	17.50	-9.14%	-0.02	0.00
TMC	8.90	-8.99%	-0.03	0.00
BDB	11.80	-8.47%	0.00	0.00

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	89.0	0.20%	0.6	19,576	6.0	5,838	15.2	-	23.4%	Link
BID	Ngân hàng	47.9	0.50%	1.0	10,746	2.7	3,841	12.5	-	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.1	0.00%	1.0	5,652	11.8	1,397	13.0	-	27.2%	Link
TCB	Ngân hàng	48.0	1.10%	1.1	6,654	24.8	5,600	8.6	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.4	0.70%	1.0	4,650	8.8	3,818	5.9	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.7	3.70%	1.0	2,278	37.9	4,206	7.3	-	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	32.6	0.60%	1.2	6,890	9.5	3,751	8.7	-	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.4	0.00%	0.8	4,280	7.7	4,072	6.0	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	35.4	0.00%	1.2	2,102	12.0	1,704	20.8		43.2%	Link
IDC	Xây dựng	61.9	-0.80%	1.2	804	5.9	5,880	10.5	65,700	17.6%	Link
HPG	VLXD	29.3	0.20%	1.2	7,375	24.0	1,601	18.3	41,500	24.5%	Link
HSG	VLXD	23.5	1.50%	1.7	570	14.8	1,423	16.5	-	22.1%	Link
VHM	BĐS	39.0	-0.60%	1.1	6,692	7.9	5,074	7.7	108,300	16.9%	Link
KDH	BĐS	36.5	-1.50%	1.4	1,148	6.5	726	50.3	44,500	38.0%	Link
NLG	BĐS	42.5	-3.10%	1.5	644	5.5	1,040	40.9	-	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	120.9	-1.70%	1.5	1,807	25.9	7,845	15.4	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	38.4	0.90%	1.3	799	6.3	2,313	16.6	46,100	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	80.3	-0.40%	0.6	7,258	3.3	4,688	17.1	-	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	43.6	0.20%	1.0	820	5.2	1,992	21.9	-	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	31.8	0.30%	1.2	696	4.5	1,200	26.5	38,400	23.3%	Link
POW	Dầu khí	13.6	-1.50%	0.7	1,249	8.5	350	38.8	17,100	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	73.2	-0.90%	1.2	647	3.4	3,774	19.4	108,500	30.6%	Link
GMD	Logistics	84.0	0.00%	0.9	1,026	6.1	8,430	10.0	90,400	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	67.2	-1.90%	0.6	5,527	12.9	4,408	15.2	93,100	50.6%	Link
MSN	Bán lẻ	78.1	0.00%	1.4	4,627	14.5	215	362.7	-	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	61.9	-0.20%	1.5	3,562	17.2	717	86.3	-	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	95.0	0.60%	1.0	1,251	5.9	5,860	16.2	112,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	63.7	0.20%	1.8	419	3.7	2,200	29.0	66,600	23.4%	Link
FPT	Bán lẻ	139.6	-0.40%	0.9	6,977	28.6	5,335	26.2	107,900	49.0%	Link
CTR	Hạ tầng	131.6	-1.10%	1.1	592	1.3	4,582	28.7	-	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	23.7	0.00%	0.9	2,716	5.5	3,809	6.2	1.4	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	22.4	0.00%	1.2	2,236	3.2	3,315	6.8	1.5	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.2	1.40%	1.2	1,581	6.0	2,050	8.9	1.2	28.3%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.8	0.70%	1.2	1,165	3.5	2,310	6.4	0.9	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	19.5	0.00%	1.0	1,336	6.7	1,147	17.0	1.5	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	28.8	-1.50%	1.6	798	8.3	1,175	24.5	2.4	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	48.3	-0.90%	1.8	832	7.2	1,409	34.3	2.6	19.1%	7.1%
VND	Chứng khoán	18.0	-0.80%	1.5	1,075	6.8	2,057	8.7	1.3	13.5%	13.1%
BSI	Chứng khoán	58.4	-1.40%	1.7	466	1.5	2,208	26.4	2.5	40.4%	9.0%
SHS	Chứng khoán	18.6	0.50%	1.7	595	6.5	1,076	17.3	1.4	13.2%	5.7%
CTD	Xây dựng	72.3	0.00%	1.2	284	3.4	2,709	26.7	0.8	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	13.6	1.90%	1.5	220	7.3	833	16.3	0.6	6.7%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.1	0.00%	1.6	92	1.8	655	18.5	0.9	2.1%	4.6%
SZC	Xây dựng	42.2	-1.30%	1.2	299	3.5	1,514	27.9	2.6	3.2%	13.4%
SIP	Xây dựng	95.6	-0.50%	1.3	684	1.2	5,701	16.8	4.1	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	61.5	-1.60%	1.1	328	0.6	3,448	17.8	2.1	15.8%	18.3%
DIG	BĐS	27.8	-1.10%	1.9	666	13.1	(38)	-722.9	2.2	5.2%	2.1%
CEO	BĐS	18.7	-1.10%	1.3	379	3.2	312	60.0	1.5	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	31.6	0.00%	1.6	955	5.6	1,262	25.0	1.2	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	54.5	-1.40%	1.3	962	1.2	2,746	19.8	2.5	5.3%	12.5%
GVR	BĐS KCN	34.8	-1.00%	1.5	5,478	4.2	628	55.4	2.5	0.3%	6.2%
NKG	VLXD	25.7	0.80%	1.6	266	7.4	1,222	21.0	1.2	16.0%	2.3%
BMP	Vật liệu	110.4	-1.40%	1.0	356	0.6	11,594	9.5	3.1	85.9%	39.1%
IJC	Hạ tầng	16.3	2.50%	1.5	242	7.1	865	18.8	1.4	5.9%	10.3%
DXG	BĐS	16.6	-0.90%	1.9	472	4.2	420	39.6	0.8	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	22.5	0.00%	1.3	2,012	5.6	1,966	11.4	1.3	26.9%	12.4%
PDR	Bất động sản	25.8	-0.20%	1.8	885	5.7	964	26.7	2.0	7.4%	7.2%
DIG	Bất động sản	27.8	-1.10%	1.9	666	13.1	(38)	-722.9	2.2	5.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	18.6	-1.10%	1.4	653	1.9	73	254.6	1.5	1.6%	0.7%
C4G	Xây dựng	10.3	1.00%	1.4	-	0.3	433	23.8	1.0	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	68.5	-0.90%	1.6	119	1.4	4,370	15.7	2.0	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	44.0	-0.20%	1.1	139	0.9	3,461	12.7	1.9	35.8%	17.2%
DRC	Cao su	35.1	-0.60%	0.7	164	1.6	2,286	15.4	2.2	13.6%	13.2%
PC1	Điện	28.8	-0.90%	1.3	353	4.9	651	44.3	1.2	8.5%	4.1%
HDG	BĐS	34.4	0.70%	1.3	414	10.2	2,061	16.7	1.4	22.8%	12.9%
GEX	Điện	23.6	0.00%	1.8	791	11.3	625	37.8	0.9	12.6%	4.1%
QTP	Điện	17.1	0.00%	0.6	-	0.4	1,549	11.0	1.4	1.2%	10.8%
PLX	O&G	41.9	0.10%	0.9	2,095	3.4	2,570	16.3	1.8	17.1%	10.7%
BSR	O&G	23.7	1.70%	1.1	-	13.5	2,588	9.2	1.3	0.8%	15.6%
PLC	O&G	29.0	-0.30%	1.5	92	0.3	1,112	26.1	1.8	1.2%	8.4%
ANV	Thủy sản	34.2	0.90%	1.4	179	2.9	(252)	-135.2	1.6	3.0%	1.5%
PTB	Gỗ	72.9	0.60%	0.7	192	0.9	4,765	15.3	1.8	20.9%	10.6%
VSC	Logistics	22.2	1.60%	1.4	233	8.7	532	41.7	1.8	2.8%	6.2%
HAH	Logistics	42.6	0.80%	1.4	177	6.2	3,081	13.8	1.4	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	79.2	-1.70%	1.4	380	3.8	2,980	26.6	5.9	6.8%	25.6%
DBC	Logistics	34.8	-1.00%	1.7	332	11.3	1,729	20.2	1.8	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	169.0	0.10%	0.8	906	5.4	(2,548)	-66.3	11.2	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	50.5	0.80%	0.6	-	2.0	6,737	7.5	2.1	15.5%	27.3%
TNG	Dệt may	26.0	0.40%	1.2	116	2.2	1,981	13.1	1.6	19.6%	12.5%
PVT	O&G	30.3	0.30%	0.9	424	5.5	3,150	9.6	1.0	12.3%	14.3%
DPM	Phân bón	38.5	-0.90%	1.2	593	8.4	1,372	28.1	1.3	10.0%	4.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website	BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh	BSC Trụ sở chính
http://www.bsc.com.vn	Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: +84 8 3821 8885 Fax: +84 8 3821 8510	Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings 210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: +84 4 3935 2722 Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639